

Số: **01/2021/QĐST-KDTM**

Son Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2021/TLST - KDTM ngày 05 tháng 02 năm 2021.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần T.**

Địa chỉ: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Tuấn A – Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ (theo văn bản uỷ quyền số 15/2020/UQ-HĐQT ngày 07/07/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị).

** Bị đơn:* **Công ty T.**

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật : Ông Đặng Đình B. – Chức vụ: Giám Đốc

** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Đặng Đình B, sinh năm 1952 và bà Dương Thị Kim T, sinh năm 1953

Địa chỉ : Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nghĩa vụ trả nợ:

+ Công ty T. có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP T. (tổng số tiền nợ tính đến ngày 02/3/2021 là **1.699.276.520** đồng, làm tròn số là **1.699.276.000** đồng (một tỷ sáu

trăm chín mươi chín triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Trong đó: Nợ gốc là 1.476.879.433 đồng (Một tỷ bốn trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng); nợ lãi là 222.396.560 đồng (hai trăm hai mươi triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi đồng)

Kể từ ngày 03/3/2021, Công ty T. còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức số 230319-5489862-01-SME ngày 27/3/2021 đã ký giữa Công ty T. với Ngân hàng TMCP T. cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc.

+ Trường hợp Công ty T. không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng, Ngân hàng có quyền yêu cầu ông Đặng Đình B. và bà Dương Thị Kim T. có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty T. toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt chậm trả nợ và các khoản phát sinh có liên quan theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 230319-5489862-01-SME ngày 27/3/2021 đã ký giữa Công ty T. với Ngân hàng TMCP T. để thu hồi nợ.

+ Trường hợp Công ty T, ông Đặng Đình B. và bà Dương Thị Kim T. không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty T, ông Đặng Đình B. và bà Dương Thị Kim T. để thu hồi nợ.

- Về án phí:

+ Ngân hàng TMCP T. không phải chịu án phí, trả lại cho ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 29.565.000 đồng (hai mươi chín triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003744 ngày 04/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương.

+ Công ty T. phải chịu án phí KDTM sơ thẩm là 31.489.000 đồng (ba mươi một triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng). Giảm 50% số tiền tạm ứng án phí cho Công ty T. theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Công ty T. còn phải nộp số tiền án phí là 15.744.000 đồng (mười lăm triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD (02 bản);
- Chi cục THA Dân sự huyện SD;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến

